|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 1670 /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 6 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền**

**giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện,**

**UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc SởVăn hóa, Thể thao và Du lịch tạiVăn bản số513/SVHTTDL-VP ngày 31/5/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (111 thủ tục hành chính), UBND cấp huyện (15 thủ tục hành chính), UBND cấp xã (03 thủ tục hành chính)trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế các Quyết định:số 2468/QĐ-UBND ngày 26/6/2015; số 2469/QĐ-UBND ngày 26/6/2015; số 3520/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 và số 1906/QĐ-UBND ngày 06/7/2017của UBND tỉnh.

**Điều 3.**Chánh Văn phòng UBND tỉnh;Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| Description: Description: Description: https://ssl.gstatic.com/ui/v1/icons/mail/images/cleardot.gif***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;  - Trung tâm HCC tỉnh;  - Trung tâm CB-TH tỉnh;  - Lưu: VT, KSTT1. | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đặng Quốc Vinh** |

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾTCỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO**

**VÀ DU LỊCH, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

| **TT** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LĨNH VỰC LỮ HÀNH(19 TTHC)** | | | | |
|  | Công nhận điểm du lịch | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 10 ngày làm việc, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định và lập tờ trình đề nghị UBND tỉnh công nhận điểm du lịch.  -10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình, UBND tỉnh ra quyết định công nhận điểm du lịch.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Trung tâm Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh). | Không | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. |
|  | Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và cấp giấy phép.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 3.000.000 đồng/giấy phép. | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |
|  | Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và cấp giấy phép.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 2.000.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
|  | Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và cấp giấy phép.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
|  | Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành | - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.  - Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ. | Như trên | Không | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. |
|  | Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể | - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.  - Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản | - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành;  - Tiền ký quỹ do Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật về phá sản. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | - 05 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.  - 10 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | Như trên | 3.000.000 đồng/giấy phép. | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |
|  | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
|  | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
|  | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.  - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
|  | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
|  | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
|  | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 650.000 đồng/thẻ. | - Luật Du lịch năm 2017;  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam**.** |
|  | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 650.000 đồng/thẻ. | Như trên |
|  | Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | - 650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa;  - 200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. | Như trên |
|  | Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 08 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức. | Như trên | Không | - Luật Du lịch năm 2017;  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. |
|  | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 200.000 đồng/thẻ. | Như trên |
|  | Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 650.000 đồng/thẻ. | Như trên |
| **II** | **LĨNH VỰC KINH DOANH LƯU TRÚ (01 TTHC)** | | | | |
|  | Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch thẩm định và ra quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.Trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | - 1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao;  - 2.000.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao. | - Luật Du lịch năm 2017;  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. |
| **III** | **LĨNH VỰC KINH DOANH LỮ HÀNH (05 TTHC)** | | | | |
|  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | Như trên |
|  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | Như trên |
|  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | Như trên |
|  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | Như trên | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | Như trên |
|  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | Như trên |
| **IV** | **LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN (07TTHC)** | | | | |
|  | Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương | 03ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/ 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịchsửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. |
|  | Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. |
|  | Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương | - Trong thời hạn 04 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phươngtới UBND tỉnh.  -UBND tỉnh, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét, cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịchsửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. |
|  | Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương | - 05ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép. | Như trên | Theo quy định tại Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịchsửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. |
|  | Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịchsửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 5/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. |
|  | Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu tới UBND tỉnh.  -UBND tỉnh, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét, chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 5/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 5/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. |
| **V** | **LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA (14 TTHC)** | | | | |
|  | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia | - Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký trong thời hạn 05 ngày làm việc.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. | Như trên | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;  - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;  - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
|  | Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
|  | Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | - Trong thời hạn 07 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị việc cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập tới UBND tỉnh.  -UBND tỉnh, trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét, việc cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp | Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trong đó:  - Trong thời gian 01 ngày Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra các điều kiện cấp giấy phép khai quật khẩn cấp.  - Trong thời gian 02ngày, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh quyết định việc cấp giấy phép khai quật khẩn cấpvà báo cáo ngay cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ. |
|  | Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên |  | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. |
|  | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích | - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch UBND tỉnh.  - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia. | Như trên | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. |
|  | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật | - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch UBND tỉnh.  - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật | Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới (10 ngày làm việc). | Như trên | Không | Như trên |
| **VI** | **LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM (09 TTHC)** | | | | |
|  | Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;  - Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. |
|  | Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 04 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp phép triển lãm mỹ thuật tới UBND tỉnh.  -UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch,xem xétcấp phép triển lãm mỹ thuật. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. |
|  | Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ. | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân tổ chức trại sáng tác điêu khắc không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân tổ chức trại sáng tác điêu khắc không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhậnđủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 03 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị việc cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam trong các trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tới UBND tỉnh.  -UBND tỉnh, trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét việc cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam trong các trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh phải làm lại thủ tục xin cấp phép lại. | Như trên | Không | Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. |
|  | Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 03 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tới UBND tỉnh.  -UBND tỉnh, trong thời hạn 04ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm phải làm lại thủ tục xin cấp phép. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Nghị định số [103/2009/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-103-2009-nd-cp-quy-che-hoat-dong-kinh-doanh-dich-vu-van-hoa-cong-cong-97236.aspx) ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;  - Thông tư số 17/2012/TT-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về triển lãm, thi, liên hoan và sử dụng tác phẩm điện ảnh. |
|  | Tiếp nhận thông báo đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | [Như](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=49206) trên |
|  | Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành trángtới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.  Nếu trường hợp phải xin ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thìtrong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh cấp giấy phép.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. |
| **VII** | **LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ (09 TTHC)** | | | | |
|  | Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp giấy phép.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy phép;  - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy phép. | - Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ.  - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT.  - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. |
|  | Cấp giấy phép tổ chức lễ hội | Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn hợp lệ, Sở Văn hoá,Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trình UBND tỉnh.  - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh cấp giấy phép tổ chức lễ hội. | Như trên | Không | - Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ.  - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT ngày 23/8/2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc ban hành Quy chế tổ chức lễ hội.  - Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ VHTT&DL và Bộ TN&MT về hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ phát huy giá trị di tích. |
|  | Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc, Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.  -04 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với cơ quan thi đua, khen thưởng cùng cấp, trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận lại và cấp Giấy công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.  -04ngày làm việc, căn cứ hồ sơ đề nghị và Biên bản kiểm tra của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.  Trường hợp không công nhận,phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. |
|  | Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn | Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân thông báo sản phẩm quảng cáo.  Trường hợp không đồng ý với các nội dung trong hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo của tổ chức, cá nhân, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời, nêu rõ lý do và yêu cầu nội dung cần chỉnh sửa. | Như trên | Không | - Luật Quảng cáo năm 2012.  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.  - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. |
|  | Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Luật Quảng cáo năm 2012. |
|  | Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 04 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan của tỉnh kiểm tra các điều kiện thành lậpVăn phòng đại diện.  - 04 ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định và tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh quyết định việc cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 3.000.000 đồng/giấy phép. | - Luật Quảng cáo năm 2012.  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.  - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.  - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. |
|  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  -04 ngày làm việc, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trình UBND tỉnh cấp phép.  - 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnhcó trách nhiệm cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung và gửi bản sao giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
|  | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 04 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan của tỉnh kiểm tra các điều kiện thành lập.  - 04 ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định và tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung và gửi bản sao giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
|  | Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ quản trực tiếp hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, có văn bản trả lời về việc đồng ý triển khai thực hiện. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật.  - Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.  - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ. |
| **VIII** | **LĨNH VỰC VĂN HÓA PHẨM, NGHE NHÌN (05TTHC)** | | | | |
|  | Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc. | Như trên | Không | - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. |
|  | Giám định văn hóa phẩm xuất khẩukhông nhằm mục đích kinh doanhcủa cá nhân, tổ chức ở địa phương | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc. | Như trên | Không | - Nghị địnhsố 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. |
|  | Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  Văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm là cơ sở để Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu tại Hải quan. | Như trên | Theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. | - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. |
|  | Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu | - Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Giấy phép phổ biến phim hoặc văn bản phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền cấp là căn cứ để Thương nhân làm thủ tục thông quan tại Hải quan.  - Đối với các tác phẩm điện ảnh nhập khẩu để phát sóng trên truyền hình:  - Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc phát sóng trên đài truyền hình của mình tác phẩm điện ảnh do mình nhập khẩu. | Như trên | Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. | - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. |
|  | Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu | - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.  - Văn bản chấp thuận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là căn cứ để Thương nhân làm thủ tục nhập khẩu tại Hải quan. | Như trên | Theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. | - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. |
| **IX** | **LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH (02 TTHC)** | | | | |
|  | Cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phimhoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;  - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:  + Sản suất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;  + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến). | 06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt. | Như trên | Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. | - Luật Điện ảnh năm 2006.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009;  - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009.  - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.  - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.  - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. |
|  | Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu) | 06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt. | Như trên | Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. | - Luật Điện ảnh năm 2006.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009.  - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2013 quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim.  - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.  - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh |
| **X** | **LĨNH VỰC THƯ VIỆN (01 TTHC)** | | | | |
|  | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhâncó vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000.  - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thư viện.  - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6/01/2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/1/2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| **XI** | **LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (12 TTHC)** | | | | |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có kết quả thẩm định hồ sơ.  - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lựcgia đình;  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thầm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phải có kết quả thẩm định hồ sơ.  - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định tới UBND tỉnh để đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.  - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngàynhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, UBND tỉnh có trách nhiệm đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.  Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ.  -Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.  Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | -Trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tới UBNDtỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịchxem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phải có kết quả thẩm định hồ sơ.  - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tới UBND cấp tỉnh để đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.  - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, UBND tỉnh có trách nhiệm đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | - Định kỳ hằng năm hoặc trên cơ sở căn cứ vào số lượng người đăng ký thi lấy Chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; Chứng chỉ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thông báo ít nhất trên một tờ báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp về việc tổ chức thi và lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc; Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.  - Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành lập hội đồng thi và đánh giá kết quả thi.  - Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình gửi hồ sơ đăng ký tham dự kỳ thi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tham gia kỳ thi do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.  - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.  - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, người dự kiểm tra có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra hoặc gửi khiếu nại về kết quả kiểm tra tới Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. | Như trên | Không | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |
|  | Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | - Định kỳ hằng năm hoặc trên cơ sở căn cứ vào số lượng người đăng ký thi lấy Chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; Chứng chỉ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thông báo ít nhất trên một tờ báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp về việc tổ chức thi và lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc; Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.  - Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, căn cứ vào Thông báo về việc tổ chức thi lấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên báo hàng ngày của Trung ương hoặc của địa phương, gửi hồ sơ đăng ký tham dự kỳ thi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tham gia kỳ thi do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.  - Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành lập hội đồng thi và đánh giá kết quả thi.  - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận nghiệp tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.  - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, người dự kiểm tra có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra hoặc gửi khiếu nại về kết quả kiểm tra tới Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |
|  | Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp thẻ cho nhân viên tư vấn.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngàynhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại thẻ cho nhân viên tư vấn.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
| **XII** | **LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO (27 TTHC)** | | | | |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao. | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận | Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards và snooker | Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động billards và snooker tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động billards và snooker. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 15/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể dục, thể hình tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể dục thể hình. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 16/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động vũ đạo giải trí | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động vũ đạo, giải trí tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động vũ đạo, giải trí. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, thể thao;  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 01/2011/TT-BVHTTDL ngày 6/01/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động vũ đạo giải trí;  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bơi, lặn tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bơi, lặn. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/01/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn.  - Thông tư số 14/2014/TT-BVHTTDL ngày 10/11/2014 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động khiêu vũ thể thao tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động khiêu vũ thể thao. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 03/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/01/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam. | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, Thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 14/2011/TT-BVHTTDL ngày 9/11/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động võ cổ truyền và vovinam.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động quần vợt tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động quần vợt. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 15/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/11/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động quần vợt.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể dục thẩm mỹ tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể dục thẩm mỹ. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 16/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/11/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ.  Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và diều bay động cơ | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động dù lượn và diều bay động cơ tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động dù lượn và diều bay động cơ. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, Thể thao;  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 19/2011/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và diều bay động cơ;  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quyền anh | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động quyền anh tới UBND tỉnh.  -UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động quyền anh. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, Thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 20/2011/TT-BVHTTDL ngày 09/12/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức tập luyện quyền anh.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Taekwondo tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Taekwondo. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, Thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 21/2011/TT-BVHTTDL ngày 27/12/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Lân Sư Rồng | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Lân Sư tử tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Lân Sư tử. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 10/2012/TT-BVHTTDL ngày 29/11/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Judo | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Judo tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Judo.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thểthao.  - Thông tư số 11/2012/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Judo.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bóng đá | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bóng đá tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bóng đá. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 12/2012/TT-BVHTTDL ngày 10/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bóng bàn | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bóng bàn tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động bóng bàn.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 13/2012/TT-BVHTTDL ngày 10/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn;  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cầu lông | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cầu lông tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cầu lông. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 14/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông;  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Patin | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động patin tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động patin.Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 16/2012/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin;  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Mô tô nước trên biển | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động mô tô nước trên biển tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động mô tô nước trên biển. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thểdục, Thể thao;  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển;  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao;  - Thông tư số 19/2014/TT-BVHTTDL ngày 08/12/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL, Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL, Thông tư số 03/2013/TT-BVHTTDL. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Karatedo | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Karatedo tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Karatedo. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 09/2013/TT-BVHTTDL ngày 26/11/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Karatedo;  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bắn súng thể thao | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Karatedo tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động Karatedo. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 16/2011/UBTVQH ngày 30/6/2011;  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao;  - Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công sụ hỗ trợ;  - Thông tư số 06/2014/TT-BVHTTDL ngày 04/6/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao;  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. |
|  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bóng chuyền | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanhbóng chuyền tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh bóng chuyền. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của UBTDTT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;  - Quyết định số 09/QĐ-UBTDTT-TT.II ngày 03/01/2002 của Ủy ban Thể dục, Thể thao về việc ban hành luật Bóng chuyền và Luật Bóng chuyền quốc tế. |
|  | Cho phép tổ chức hoạt động thi đấu xe đạp thể thao tại Việt Nam | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy phép cho cho tổ chức, cá nhân hoạt động thi đấu xe đạp thể thao tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân hoạt động thi đấu xe đạp thể thao. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của UBTDTT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 14/2013/TT-BVHTTDL ngày 19/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định một số nội dung quản lý tổ chức hoạt động thi đấu xe đạp thể thao. |
|  | Cho phép tổ chức hoạt động thi đấu mô tô thể thao | Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - 02 ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi tờ trình đề nghị cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhânchức hoạt động thi đấu mô tô thể thao tới UBND tỉnh.  - UBND tỉnh, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, xem xét cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhânchức hoạt động thi đấu mô tô thể thao. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của UBTDTT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 13/2013/TT ngày 18/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định một số nội dung quản lý tổ chức hoạt động thi đấu mô tô thể thao. |
|  | Cấp Giấy phép mở lớp dạy võ thuật | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006.  - Nghị định 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Thể dục, thể thao.  - Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban TDTT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. |

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

| **TT** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (06TTHC)** | | | | |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Hành chính công cấp huyệnhoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. | Không | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số Như trênđiều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy bannhân dân cấp huyện) | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
| **II** | **LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ (07 TTHC)** | | | | |
|  | Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” |
|  | Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. |
|  | Công nhận “Thôn văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá” và tương đương | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Pháp lệnh Dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá” và tương đương.  - Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.  -Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND, ngày 09/7/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương. |
|  | Công nhận “Tổ dân phố văn hoá” và tương đương | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Như trên | Không | - Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;  - Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND, ngày 09/7/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Công nhận danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. |
|  | Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
|  | Cấp giấy phép kinh doanh karaoke | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép kinh doanh Karaoke, vũ trường. | - Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.  - Nghị định 01/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL về việc Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 04/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành những nội dung sau đây của Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP.  - Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý Karaoke, vũ trường nơi công cộng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.  - Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch nhà hàng Karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2007 - 2020.  - Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT;  - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép kinh doanh Karaoke, vũ trường. |
| **III** | **LĨNH VỰC THƯ VIỆN (01TTHC)** | | | | |
|  | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Pháp lệnh thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 của UBTVQH quy định về thư viện.  - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thư viện.  - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủsửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

| **TT** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ** | | | | |
|  | Công nhận “Gia đình văn hoá” | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quảUBND cấp xã. | Không | - Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá” và tương đương.  - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.  - Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND, ngày 09/7/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương. |
| **II** | **LĨNH VỰC THƯ VIỆN** | | | | |
|  | Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.  - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thư viện.  - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủsửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| **III** | **LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO** | | | | |
|  | Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận thì phải có văn bản nêu rõ lý do. | Như trên | Không | - Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006;  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao có hiệu lực ngày 03/8/2007.  - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổchức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở. |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ÁP DỤNG TẠI**

**UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

**I. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ**

**1. Công nhận danh hiệu Gia đình văn hoá.**

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trưởng Ban công tác Mặt trận ở Khu dân cư nộp hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.

Cán bộ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân và chuyển cho cán bộ chuyên môn giải quyết.

- Bước 2: Căn cứ vào biên bản họp bình xét ở Khu dân cư, Trưởng Ban vận động “TDĐKXDĐSVH” ở khu dân cưở khu dân cư xem xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận “Gia đình văn hóa” hàng năm.

- Bươc 3: Căn cứ quyết định công nhận “Gia đình văn hóa” hàng năm, Trưởng Ban vận động “TDĐKXDĐSVH” ở khu dân cư đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận “Gia đình văn hóa” 3 năm.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bản đăng ký xây dựng danh hiệu “Gia đình văn hóa” của các hộ gia đình;

- Biên bản họp bình xét ở Khu dân cư, kèm theo danh sách những gia đình được đề nghị công nhận “Gia đình văn hóa” (có từ 80% trở lên số người tham gia dự họp nhất trí đề nghị).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

\* Gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương:

- Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân; không vi phạm pháp luật Nhà nước, quy định của địa phương và quy ước, hương ước cộng đồng;

- Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; vệ sinh môi trường; nếp sống văn hóa nơi công cộng; bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan của địa phương; tích cực tham gia các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở Khu dân cư;

- Không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại; không vi phạm mắc các tệ nạn xã hội; tham gia tích cực bài trừ tệ nạn xã hội và phòng chống các loại tội phạm;

- Tham gia thực hiện đầy đủ các phong trào thi đua; các sinh hoạt, hội họp ở cộng đồng.

\* Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

- Vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức; thực hiện bình đẳng giới; vợ chồng thực hiện sinh con đúng quy định, cùng có trách nhiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan;

- Gia đình nề nếp; ông bà, cha mẹ gương mẫu; con cháu hiếu thảo; giữ gìn các giá trị văn hóa gia đình truyền thống, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa mới về gia đình;

- Giữ gìn vệ sinh phòng bệnh; nhà ở ngăn nắp; khuôn viên xanh-sạch-đẹp; sử dụng nước sạch, nhà tắm và hố xí hợp vệ sinh; các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh, thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao;

- Tích cực tham gia chương trình xóa đói, giảm nghèo; đoàn kết tương trợ xóm giềng, giúp đỡ đồng bào hoạn nạn; hưởng ứng phong trào đền ơn đáp nghĩa, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và các hoạt động nhân đạo, từ thiện ở cộng đồng.

\* Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả:

- Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, chăm ngoan, hiếu học; người lớn trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định, hoàn thành tốt nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ được giao;

- Có kế hoạch phát triển kinh tế gia đình, chủ động “Xóa đói giảm nghèo”, năng động làm giàu chính đáng, góp phần xây dựng nông thôn mới;

- Kinh tế gia đình ổn định, thực hành tiết kiệm; đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các thành viên trong gia đình ngày càng nâng cao.

\* Thời gian xây dựng “Gia đình văn hóa” là một (01) năm (công nhận lần đầu); ba (03) năm (cấp Giấy công nhận).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá” và tương đương.

- Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**-** Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND, ngày 09/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc **Công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương**

**I. LĨNH VỰC VĂN THƯ VIỆN**

**1. Cấp Giấy đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (có từ 500 đến dưới 1000 đầu sách).**

1. Trình tự thủ tục

Bước 1: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

Cán bộ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh.

- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân và chuyển cho cán bộ chuyên môn giải quyết.

Bước 2: Cán bộ chuyên môn kiểm tra, nghiên cứu Hồ sơ và tham mưu trình Lãnh đạo UBND xã ký cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân.

Bước 3: Đến ngày hẹn, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Gửi qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đăng ký hoạt động thư viện (mẫu số 1 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP);

- Danh mục vốn tài liệu thư viện hiện có (mẫu số 2 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP);

- Sơ yếu lý lịch của người đứng tên thành lập thư viện có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú;

- Nội quy thư viện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND xã, phường, thị trấn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:Giấy phép hoạt động.

8. Lệ phí (nếu có):

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):

- Đơn đăng ký hoạt động thư viện tư nhân(Ban hành kèm theo Nghị định số: 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009của Chính phủ)

- Bảng kê danh mục các loại sách và tài liệu hiện có trong thư viện (Ban hành kèm theo Nghị định số: 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009của Chính phủ)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Thư viện tư nhân được thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có vốn tài liệu ban đầu về một hay nhiều môn loại tri thức khoa học với số lượng ít nhất là 500 bản sách và 1 tên ấn phẩm định kỳ, được xử lý theo quy tắc nghiệp vụ thư viện.

+ Có diện tích đáp ứng yêu cầu về bảo quản vốn tài liệu và phục vụ công chúng với số lượng chỗ ngồi đọc ít nhất 10 chỗ, không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông; đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan văn hóa.

+ Có đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy và các trang thiết bị chuyên dùng ban đầu như giá, tủ để tài liệu; bàn, ghế cho người đọc; hộp mục lục hoặc bản danh mục vốn tài liệu thư viện để phục vụ tra cứu; tùy điều kiện cụ thể của thư viện có thể có các trang thiết bị hiện đại khác như máy tính, các thiết bị viễn thông.

+ Người đứng tên thành lập thư viện phải có quốc tịch Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên; có đầy đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi; am hiểu về sách báo và lĩnh vực thư viện.

+ Người làm việc trong thư viện:Người làm việc trong thư viện phải tốt nghiệp Trung cấp thư viện hoặc tương đương. Nếu tốt nghiệp trung cấp ngành khác thì phải được bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ tương đương trình độ trung cấp thư viện.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

- Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thư viện.

- Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủsửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Mẫu số 1

*(Ban hành kèm theo Nghị định số: 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNGTHƯ VIỆN TƯ NHÂN CÓ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Kính gửi: ………………………………

Tên tôi là:

- Sinh ngày/tháng/năm:

- Nam (nữ):

- Trình độ văn hóa:

- Trình độ chuyên môn:

- Hộ khẩu thường trú:

đứng tên thành lập thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.

Tên thư viện:

Địa chỉ:                                     ; Số điện thoại:              ; Fax/E.mail:

Tổng số bản sách:                     ; Tổng số tên báo, tạp chí:

(tính đến thời điểm xin thành lập thư viện)

Diện tích thư viện:                      ; Số chỗ ngồi:

Nhân viên thư viện:

- Số lượng:

- Trình độ:

Nguồn kinh phí của thư viện:

Tôi làm đơn này đề nghị đăng ký hoạt động cho Thư iện…………...…với

*………, ngày   tháng   năm*

*(Người làm đơn ký tên)*

**BẢNG KÊ DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU  
HIỆN CÓ TRONG THƯ VIỆN**

**---------------------**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sách** | **Tên tác giả** | **Nhà xuất bản** | **Năm xuất bản** | **Nguồn gốc tài liệu** | **Hình thức tài liệu (sách báo, CD-ROM…)** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

III. LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO

**1. Công nhận Câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở.**

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

Cán bộ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh.

- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân và chuyển cho cán bộ chuyên môn giải quyết.

Bước 2: Cán bộ chuyên môn kiểm tra, nghiên cứu Hồ sơ và tham mưu trình Lãnh đạo UBND xã ký cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân.

Bước 3: Đến ngày hẹn, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước;

- Gửi qua đường bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Quyết định thành lập;

- Danh sách ban chủ nhiệm;

- Danh sách Hội viên;

- Địa điểm tập luyện;

- Quy chế hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: Chưa có quy định số lượng hồ sơ phải nộp.

4. Thời hạn giải quyết:03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ Hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận thì phải có văn bản nêu rõ lý do.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận

8. Lệ phí (nếu có):

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006, có hiệu lực thi hành ngay 01/7/2007;

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao có hiệu lực ngày 03/8/2007;

- Thông tư 18/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tôt chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở.